



NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00154947

Mã TTV: 5056

Số CT: 82046

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.0201260787293002.CTY NGOC THOM 0309391503-BLHXS2500835 -PHI LOCALCHARGES		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00155460

Mã TTV: 5058

Số CT: 82078

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 655 CTY VIET LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00168485

Mã TTV: 5058

Số CT: 82087

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 3773-CTY COLD VIET NAM		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00168544

Mã TTV: 5058

Số CT: 82312

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 65 CTY THT		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 02 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00183660

Mã TTV: 5058

Số CT: 80996

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CTY NGOC THOM 0309391503 TT SUA CHUA OOLU2313410090		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 03 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00023667

Mã TTV: 9915

Số CT: 8592

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUODUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	50.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		50.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	5.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		55.000
Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐONG THANG 12/2025. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 03 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00032462

Mã TTV: 9915

Số CT: 64119

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUODUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	50.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		50.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	5.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		55.000
Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THU PHI DỊCH VỤ SMS CHU ĐONG THANG 12/2025. SDT: 0917823679. Số tiền 55000 VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 03 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00236870

Mã TTV: 5056

Số CT: 86716

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.0301260591991001.CTY NGOC THOM-NGAY 3.1.2026		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 05 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00092261

Mã TTV: 5087

Số CT: 34844

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	719.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		719.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	71.900
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		790.900
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy trăm chín mươi nghìn chín trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.202601055087074242.		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00527334

Mã TTV: 5058

Số CT: 67182

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 41 VA 5180 CTY QUANG MINH		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00527346

Mã TTV: 5058

Số CT: 61910

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THANH TOAN LUONG THANG 12.2025		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00527443

Mã TTV: 5058

Số CT: 66716

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 391-CTY VAN PHONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00616924

Mã TTV: 5058

Số CT: 37730

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	54.555
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		54.555
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	5.455
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		60.010
Số tiền bằng chữ (In words) Sáu mươi nghìn không trăm mười đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 164 VA 166 NGÀY 29.8.25 VA 30.8.2025		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 09 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00117069

Mã TTV: 4

Số CT: 33

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUOC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	425.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		425.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	42.500
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		467.500
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOANTHU PHI CHUYEN TIEN THEO GNN 48		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

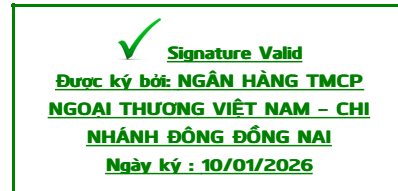
(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 13 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01521466

Mã TTV: 5058

Số CT: 59740

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	76.497
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		76.497
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	7.650
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		84.147
Số tiền bằng chữ (In words) Tám mươi bốn nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): HD SO 165 NGÀY 30.8.2025		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 13 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00145162

Mã TTV: 4

Số CT: 163

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUODUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	1.246.028
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		1.246.028
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	124.603
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		1.370.631
Số tiền bằng chữ (In words) Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn sáu trăm ba mươi một đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN13/01/2026+USD11,384.00+Fee:USD52.55+PAID 20PCT OF CTR NO 20253012 AT 30.12.2025 INVOICE NO HY93-Z-202530 HY93-Z-20253012 AT 12.01.2026 +F/O:ZHEJIANG HAIYING INTELLIGENT SCIENCE AND TECHNOLOGY CO.,LTD ++LEAN VILLA GE,XINSHI TOWN DEQING IND ZONE HU		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 14 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01567360

Mã TTV: 5058

Số CT: 90315

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 2 NGÀY 12.1.2026 -CTY MINH KHANG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 14 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA
Số (No): 01603712
Mã TTV: 5058
Số CT: 96640

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	47.077
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		47.077
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	4.708
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		51.785
Số tiền bằng chữ (In words) Năm mươi một nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THANH TOAN TIEN HANG - CTY DAU TU AN VIET		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 14 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01646636

Mã TTV: 5058

Số CT: 9384

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CTY RUT TIEN NHAP QUY TIEN MAT		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH KỶ ĐỒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-072

Địa chỉ (Address): 13-13 Bis Kỳ Đồng, Phường Nhiều Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 15 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00060042

Mã TTV: 5087

Số CT: 20725

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	172.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		172.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	17.200
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		189.200
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm tám mươi chín nghìn hai trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.202601155087085070.		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

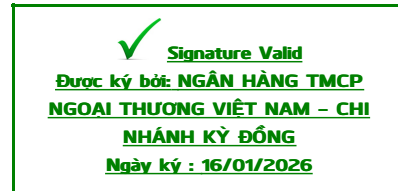
(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 15 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01695378

Mã TTV: 5058

Số CT: 21694

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	382.004
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		382.004
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	38.200
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		420.204
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn trăm hai mươi nghìn hai trăm linh bốn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 167, 174,175,176,177,178,179 NGÀY 3.9,8.9,9.9 VÀ 10.9.2025		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 15 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01769498

Mã TTV: 5056

Số CT: 26921

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.1501261045733002.DAT COC THEO DON HANG SO 9545 CTY APK KY 13.1.2026		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 15 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01771307

Mã TTV: 5058

Số CT: 27833

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	37.486
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		37.486
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	3.749
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		41.235
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): HD SO 277 CTY THIEN VUONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00165214

Mã TTV: 5190

Số CT: 1740

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1027349624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	2.777.777
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		2.777.777
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		2.777.777
Số tiền bằng chữ (In words) Hai triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Issue Commission VND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00165236

Mã TTV: 1001

Số CT: 106358

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061477154 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	6.084.019
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		6.084.019
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		6.084.019
Số tiền bằng chữ (In words) Sáu triệu không trăm tám mươi bốn nghìn không trăm mười chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061477154		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

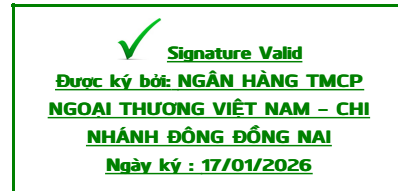
(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00165251

Mã TTV: 1001

Số CT: 106361

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061150472 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	2.228.583
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		2.228.583
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		2.228.583
Số tiền bằng chữ (In words) Hai triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm tám mươi ba đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061150472		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00165258

Mã TTV: 1001

Số CT: 106359

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001060979425 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	3.377.459
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		3.377.459
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		3.377.459
Số tiền bằng chữ (In words) Ba triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1060979425		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00165259

Mã TTV: 1001

Số CT: 106364

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061096399 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	2.424.079
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		2.424.079
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		2.424.079
Số tiền bằng chữ (In words) Hai triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn không trăm bảy mươi chín đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061096399		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00165288

Mã TTV: 1001

Số CT: 106360

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061369996 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	2.325.660
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		2.325.660
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		2.325.660
Số tiền bằng chữ (In words) Hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061369996		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

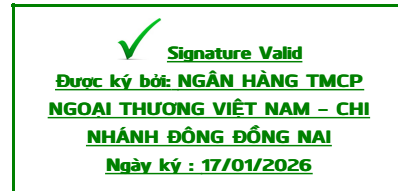
(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00165292

Mã TTV: 1001

Số CT: 106362

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061229162 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	4.906.116
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		4.906.116
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		4.906.116
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn triệu chín trăm linh sáu nghìn một trăm mười sáu đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061229162		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM – CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00165296

Mã TTV: 1001

Số CT: 106363

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0001061331187 Tại ngân hàng (Bank name):

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Thu lãi tiền vay	4.072.303
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		4.072.303
Thuế suất GTGT (VAT rate): KCT	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	\
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		4.072.303
Số tiền bằng chữ (In words) Bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm linh ba đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): Thu lại tài khoản vay 1061331187		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01800181

Mã TTV: 5058

Số CT: 73610

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THANH TOAN TIEN HANG CTY MINH LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01800307

Mã TTV: 5058

Số CT: 52433

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	353.601
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		353.601
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	35.360
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		388.961
Số tiền bằng chữ (In words) Ba trăm tám mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi mốt đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TAT TOAN HD 16102025 VA HD SO 152 CTY THANG LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01819787

Mã TTV: 5056

Số CT: 51849

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	7.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		7.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	700
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		7.700
Số tiền bằng chữ (In words) Bảy nghìn bảy trăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): IBVCB.1601260537613001.DH726718-TT DUNG LUONG MAIL 100GB-CTY VIETTEL -CHT		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01820764

Mã TTV: 5058

Số CT: 74009

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 29 -CTY VIET LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01868301

Mã TTV: 5058

Số CT: 77189

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	26.495
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		26.495
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.649
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		29.144
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi chín nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD 416 NGÀY 30.12.2025-CTY VIET COLDCHAIN		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH ĐÔNG ĐỒNG NAI

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437-145

Địa chỉ (Address): 53A/4, Quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại (Tel):

Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ

Ngày (date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 00167613

Mã TTV: 4

Số CT: 27

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUĐUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 1063585624 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai

Đồng tiền thanh toán (Currency): USD

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 26237

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	84,62
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		84,62
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	8,46
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		93,08
Số tiền bằng chữ (In words) Chín mươi ba US DOLLAR và tám cent chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CHUYEN KHOAN16/01/2026+USD29,809.50+Fee:USD93.08+PAYMENT 70PCT FOR CTR NO.AQ 39 DATE 09.10.2025 INVOIC E NO.10765846 DATE 10.12.2025 +F/O:ARGO QUEEN SP.Z.O.O ++UL,PODJAZD 1/2, 81-805 SOPOT, POLAND		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 17 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 01942020

Mã TTV: 5058

Số CT: 96240

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): THANH TOAN TIEN HANG -CTY VINSUN GROUP		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 19 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02190020

Mã TTV: 5058

Số CT: 39410

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	273.239
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		273.239
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	27.324
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		300.563
Số tiền bằng chữ (In words) Ba trăm nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): TT HD SO 118 NGÀY 13.1.2026 -CTY HSH THANG LONG		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 19 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02190201

Mã TTV: 5058

Số CT: 40867

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	158.141
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		158.141
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	15.814
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		173.955
Số tiền bằng chữ (In words) Một trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm năm mươi lăm đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): HD SO 180-181-182 NGÀY 11.9.2026 VÀ 12.9.2026		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)





NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax Code): 0100112437

Địa chỉ (Address): 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): Website: vietcombank.com.vn



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

BẢN THỂ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ
Ngày (date) 19 tháng (month) 01 năm (year) 2026

Ký hiệu (Serial No): 1K26TEA

Số (No): 02227742

Mã TTV: 5058

Số CT: 24998

Tên khách hàng (Customer's name): CT TNHH MTV TM VÀ DV NGOC THOM

Địa chỉ (Address): 12/14/18 DUONG 49, KP7, P.H B CHANH, TP.THUDUC, TPHCM

Mã số thuế (Taxcode): 0309391503

Mã số ĐVQHNS (Budgetary related unit code):

Mã số CC/CCCD/Số định danh/Hộ chiếu (Id No./Passport No.):

Số tài khoản (Acc No): 0721005104420 Tại ngân hàng (Bank name): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng

Đồng tiền thanh toán (Currency): VND Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK Tỷ giá (Exchange Rate): 1

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Thành tiền (Amount)
1	Phí dịch vụ ngân hàng	20.000
Tổng tiền chưa có thuế GTGT (Total)		20.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	2.000
Tổng tiền thanh toán đã có thuế GTGT (Total amount)		22.000
Số tiền bằng chữ (In words) Hai mươi hai nghìn đồng chẵn ./		
Ghi chú (Remarks): CTY NGOC THOM 0309391503 TT LCC BL OOLU2313925450-cty OOCL		

NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(signature (if any))

NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature)

